

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày 25-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Hòa và ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q, sinh ngày 21/7/1991; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân B và bà Ngô Thị H; có vợ Hoàng Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần T, sinh ngày 22/6/1981; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H và bà Phạm Thị T (đã chết); có vợ Cao Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày

02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Tiến A, sinh ngày 26/3/1997; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng N và bà Nguyễn Thị K; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Quý H, sinh ngày 08/6/1984; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Trần Thị Huyền T và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. Cao Minh T, sinh ngày 03/02/1996; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Minh D và bà Hoàng Thị X; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Xuân T, sinh ngày 16/12/1987; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T và bà Bùi Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Cao Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22/4/2020, Trần T, Trần Tiến A đến quán cà phê “Anh và Em” của Phạm Văn Q để uống nước. Khi thấy A và T đến, Q rủ “làm tý cho vui hè”, hiểu ý của Q là rủ đánh bạc nên A và T đồng ý. Q lấy chiếu nhựa và chăn vải trải trong nền phòng pha chế của quán, đồng thời mua 02 bộ bào tú lơ khơ rồi cùng A và T ngồi đánh bạc. Khi cả ba chuẩn bị đánh bạc thì Lê Quý H đến, Q rủ H “cậu ơi, vào làm tý”, hiểu ý Q là rủ vào đánh bạc nên H đồng ý và cùng vào tham gia đánh bạc với Q, A, T.

Các bị cáo thống nhất đánh bài ăn tiền dưới hình thức “cào tổ” (bài liêng). Trước khi chơi, mỗi người đặt số tiền chơi mỗi ván 20.000 đồng, người thắng ván bài trước chia bài và có quyền âm tẩy 20.000 đồng. Mỗi người được chia 3 quân bài, người chơi đầu tiên là ngồi vị trí kế tiếp người chia bài theo chiều kim đồng hồ có quyền tổ, theo hoặc bỏ bài. Nếu theo thì người chơi kế tiếp nhà cái phải đặt vào 40.000 đồng, người chơi kế tiếp phải bỏ thêm tiền vào tẩy bằng với tiền người trước đã tổ; nếu tổ thêm thì người chơi phải theo tiền tổ của người trước và bỏ thêm tiền vào tẩy nhưng không quá 200.000 đồng. Ván chơi sẽ kết thúc khi không có ai tổ thêm và tiến hành so bài, bài ai lớn hơn sẽ thắng, cụ thể cách so bài được tính như sau: bài xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là sấp, liêng, ba tây, tính điểm. Trong đó, sấp (hay còn gọi là xám, sam) là ba quân bài giống nhau khác chất, nếu những người chơi có sấp sẽ so sánh theo thứ tự bộ “sấp A” (át) là to nhất, tiếp đến là bộ “sấp K” ... và thấp nhất là “sấp 2”. Bài liêng là ba quân bài kế tiếp nhau không cần cùng chất (chấp nhận cả bộ A, 2, 3 và bộ Q, K, A), nếu cùng là bài liêng thì so sánh giá trị quân bài lớn nhất như sấp, trong đó liêng Q, K, A là to nhất và liêng A, 2, 3 là nhỏ nhất, nếu hai bộ liêng cùng giá trị (ví dụ đều có hai bộ Q, K, A) thì so sánh chất theo thứ tự các chất “Cơ, rô, chuồn, bích”. Ba tây là ba quân bài có hình người (J, Q, K), nếu các con bạc đều có ba tây thì tính theo thứ tự có quân lớn đến bé K, Q, J và tính chất theo “Cơ, rô, chuồn, bích”. Bài không phải các bộ đặc biệt trên thì người chơi sẽ cộng giá trị các quân trong bài để tính điểm (A là 1 điểm, 10, J, Q, K là 0 điểm), điểm của bài chỉ tính hàng đơn vị trong trường hợp điểm lớn hơn 9. Sau khi kết thúc ván chơi, người chơi mang bộ bài có giá trị cao nhất sẽ là người thắng cuộc và được nhận tất cả số tiền trong ván chơi.

Khi vào đánh bạc, Q mang theo số tiền 3.500.000 đồng dùng để đánh bạc; Tiến A mang theo số tiền 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc; Lê Quý H mang theo số tiền 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc; T mang theo số tiền 3.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Q lấy thêm 1.000.000 đồng để trả nợ cho T và T dùng số tiền này để đánh bạc. Khi các đối tượng đánh bạc được khoảng 05 phút thì có Lê Xuân T, Cao Minh T đến và cùng tham gia đánh bạc. Lê Xuân T

mang theo số tiền 5.500.000 đồng dùng để đánh bạc; Cao Minh T mang theo số tiền 850.000 đồng dùng để đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến 01 giờ 30 phút ngày 23/4/2020 thì bị lực lượng Công an huyện Quảng Trạch phát hiện và bắt quả tang. Tại hiện trường đã thu giữ giữa chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng, thu giữ trên người của Phạm Văn Q số tiền 4.000.000 đồng dùng để đánh bạc, thu giữ trên người Lê Xuân T số tiền 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc, thu giữ trên người Trần T số tiền 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, thu giữ trên người Trần Tiến A số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, thu giữ trên người Cao Minh T số tiền 50.000 đồng dùng để đánh bạc, thu giữ trên người Lê Quý H số tiền 500.000 đồng dùng để đánh bạc, 01 chiếc nhựa, 01 chân trái, 02 bộ bài tu lơ khơ đã qua sử dụng cùng một số đồ vật khác.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia, model: TA-1114, màu đen, số IMEI: 352894105102719, đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, kích thước 18 x 11 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphon 6s, màu xám, số IMEI: 355695071551129, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu đen, biển kiểm soát 73E1-360.57, đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen, kích thước 18,5 x 12,5 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại xiaomi, loại Mi A3, màu xám, số IMEI: 862541040694556, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 73E1-148.33, đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, kích thước 25 x 10,5 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7plus, màu đen, số IMEI: 359178079924743, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, biển kiểm soát 73K1-028.17, đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, kích thước 24,5 x 10 cm, đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime, màu vàng, số IMEI: 355695071551129, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu trắng, biển kiểm soát 71K2-9436, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 353009090952767, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1190, màu đen, số IMEI: 357721100405844, đã qua sử dụng.

Xác định những tài sản không liên quan, không sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã ra quyết định xử lý trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật: Trả cho chủ sở hữu là Phạm Văn Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia, model: TA-1114, màu đen, số IMEI: 352894105102719, đã qua sử dụng; trả cho chủ sở hữu là Lê Xuân T 01 ví da màu nâu, kích thức 18 x 11 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphon 6s, màu xám, số IMEI: 355695071551129, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu đen, biển kiểm soát 73E1-360.57, đã qua sử dụng; trả cho chủ sở hữu là Trần T 01 ví da màu đen, kích

thước 18,5 x 12,5 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại xiaomi, loại Mi A3, màu xám, số IMEI: 862541040694556, đã qua sử dụng; trả cho chị Cao Thị H là người quản lý hợp pháp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 73E1-148.33, đã qua sử dụng; trả cho chủ sở hữu là Trần Tiến A 01 ví da màu nâu, kích thước 25 x 10,5 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7plus, màu đen, số IMEI: 359178079924743, đã qua sử dụng; trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, biển kiểm soát 73K1-028.17, đã qua sử dụng; trả cho chủ sở hữu là Lê Quý H 01 ví da màu nâu, kích thước 24,5 x 10 cm, đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime, màu vàng, số IMEI: 355695071551129, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu trắng, biển kiểm soát 71K2-9436, đã qua sử dụng trả cho chủ sở hữu là Cao Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 353009090952767, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model: RM-1190, màu đen, số IMEI: 357721100405844, đã qua sử dụng.

Đối với số tiền 17.850.000 đồng; 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước 1,9 x 1,6 mét, trên chiếu có nhiều hoa văn, màu sắc, đã qua sử dụng; 01 chiếc chăn vải, kích thước 1,9 x 1,5 mét, trên chăn có nhiều hoa văn, màu sắc, đã qua sử dụng; 02 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân, màu xanh, đã qua sử dụng, được chuyển xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSQT ngày 29 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Lê Quý H; căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Tiến A, Cao Minh T và Lê Xuân T; căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về tội danh: tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T phạm tội “Đánh bạc”; về hình phạt: xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; xử phạt

các bị cáo Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng; về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.850.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước 1,9 x 1,6 mét, trên chiếu có nhiều hoa văn, màu sắc, đã qua sử dụng; 01 chiếc chăn vải, kích thước 1,9 x 1,5 mét, trên chăn có nhiều hoa văn, màu sắc, đã qua sử dụng; 02 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân, màu xanh, đã qua sử dụng; về án phí: buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi đánh bạc mà mình đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với tội danh, khung hình phạt phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xem xét tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T đã thừa nhận và đều thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc mà mình đã thực hiện tại quán “Anh và Em” của Phạm Văn Q. Các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “cào tố” (bài liêng). Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.850.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao

Minh T và Lê Xuân T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hại cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm trật tự an toàn và nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là những người có đủ nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép luôn bị xã hội lên án, gây ra nhiều tác hại, hậu quả và hệ lụy nghiêm trọng khác cho xã hội cũng như cho gia đình và chính bản thân các bị cáo nhưng vì coi thường pháp luật, muốn thu lợi bất chính nên dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà các bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét tính đồng phạm, vị trí, vai trò của mỗi bị cáo thấy rằng: Vụ án có 6 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, mang tính bột phát. Trong 6 bị cáo thì Phạm Văn Q là người giữ vai trò quan trọng nhất, đã trực tiếp chuẩn bị bài, chẵn, chiếu và dùng nhà của mình làm nơi để đồng phạm tụ tập đánh bạc và cũng là người khởi xướng, rủ hên đồng phạm, chủ động, trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với vai trò tích cực. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T là những đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội cũng thể hiện sự tích cực, chủ động cao. Sau khi nghe bị cáo Q khởi xướng thì tiếp nhận, đồng thuận, thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo này cũng cần phải bị xét xử với hình phạt tương xứng, phù hợp.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, thấy rằng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo H, Q và T có bố, mẹ là người có công, đã tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được tặng Huy chương cao quý. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho các bị cáo theo tình tiết, điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

[6] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo như vậy là nghiêm.

[7] Xét thấy, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự công cộng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải đi chấp hành hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng thêm Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xét xử cho các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục. Các bị cáo đều không có công việc và không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Vì vậy, ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T như vậy là phù hợp, nhằm tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án: Đối với điện thoại di động, xe mô tô và tài sản liên quan thu giữ đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền là 17.850.000 đồng; 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước 1,9 x 1,6 mét; 01 chiếc chăn vải, kích thước 1,9 x 1,5 mét; 02 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân. Xác định, đây là số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, là các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Lê Quý H;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Tiến A, Cao Minh T và Lê Xuân T;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn Q số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Trần Tiến A 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Tiến A số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Cao Minh T 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Cao Minh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành

hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Xuân T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Trần T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Lê Quý H 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 09 (chín) ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 02/5/2020, được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Quý H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T trong thời gian chấp hành án.

Giao các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền là 17.850.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tạm giữ, quản lý;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước 1,9 x 1,6 mét; 01 chiếc chăn vải, kích thước 1,9 x 1,5 mét; 02 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân.

Vật chứng trên có các đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 20/7/2020.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn Q, Trần T, Trần Tiến A, Lê Quý H, Cao Minh T và Lê Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- STP tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- CC THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thục